TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P2c**
Số: 221/2025/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 21 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82 và 83 của luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 285/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Trương Đức P, sinh năm: 1980 và bà Nguyễn Tố P1, sinh năm: 1981; cùng địa chỉ: Tổ 28 HTT, phường CL, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Các đương sự đã tự thỏa thuận như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Đức P và bà Nguyễn Tố P1 thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông Trương Đức P và bà Nguyễn Tố P1 xác định vợ chồng có 03 con chung là Trương Đức P2 sinh ngày 27/12/2005, Trương Đức Q sinh ngày 27/12/2005 và Trương Quỳnh N sinh ngày 29/5/2013. Ly hôn, bà P1 và ông P thống nhất thỏa thuận:

Hai con Trương Đức P2 sinh ngày 27/12/2005 và Trương Đức Q sinh ngày 27/12/2005 đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao con chung là cháu Trương Quỳnh N, sinh ngày 29/5/2013 cho bà P1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng

3.000.000đ (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 12 năm 2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông Trương Đức P và bà Nguyễn Tố P1 xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Trương Đức P và bà Nguyễn Tố P1 xác nhận không có nợ chung.

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Trương Đức P và bà Nguyễn Tố P1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) ông Trương Đức P và bà Nguyễn Tố P1 đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 004393 ngày 23 tháng 10 năm 2025. Ông Trương Đức P và bà Nguyễn Tố P1 đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Đức P và bà Nguyễn Tố P1 thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Quỳnh N, sinh ngày 29/5/2013 cho bà P1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 12 năm 2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Tố P1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trương Đức P không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thoả thuận thì hàng tháng ông Trương Đức P còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Các bên đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

II. *Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng*, ông Trương Đức P và bà Nguyễn Tố P1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) ông Trương Đức P và bà Nguyễn Tố P1 đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 004393 ngày 23 tháng 10 năm 2025. Ông Trương Đức P và bà Nguyễn Tố P1 đã nộp đủ lệ phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục P2c thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vức 3 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vức 3 - Đà Nẵng;
- UBND xã Quế Xuân 1, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cũ (Đăng ký kết hôn số 10/2006 ngày 11/02/2006);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Anh